

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 03/2012/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 1 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy chế về tài chính
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Tổ chức phát triển quỹ đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 922/TTr-STNMT ngày 27/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tài chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai, gồm 03 Chương và 10 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 02/4/2007 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế về tài chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN, KT.
TháiTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Phúc
Trần Minh Phúc

QUY CHẾ

Về tài chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai
(ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2012/QĐ-UBND
ngày 13/01/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, hạch toán độc lập, thực hiện thu, chi tài chính và quyết toán thu, chi tài chính theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức, hoạt động của Trung tâm theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan.

Điều 2. Trung tâm có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt quy định của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ được giao; ngoài các nhiệm vụ thường xuyên được giao, Trung tâm chủ động xây dựng quy định mức khoán gọn cho từng công việc, công trình, dự án cho cán bộ, viên chức, nhân viên trong Trung tâm hoặc ký các hợp đồng thuê mướn các đơn vị, tổ chức, cá nhân có chức năng để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm đăng ký, kê khai các khoản phải nộp ngân sách, các khoản thuế theo quy định của nhà nước. Năm tài chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chương II CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính và xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

1. Thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất: Tổ chức, cá nhân sử dụng đất đối với quỹ đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý hoặc tạo ra có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá hoặc theo giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vào tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất, sau khi thanh toán các khoản chi phí hợp lý, lệ phí (nếu có), Trung tâm Phát

triển quỹ đất nộp số tiền còn lại vào tài khoản tiền gửi do Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

2. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính: Căn cứ vào số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá hoặc được giao đất, cho thuê đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất nộp vào tài khoản được Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tỉnh) Sở Tài chính xác nhận đã nộp đủ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, để cơ quan Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quản lý, thanh toán các nguồn vốn

1. Đối với nguồn vốn ứng từ ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 1 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính được thực hiện quản lý, thanh toán và hoàn trả vốn ứng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với nguồn vốn ứng từ Quỹ Phát triển đất tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 1 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất tỉnh.

3. Đối với nguồn vốn vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại trong nước, các tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định vay vốn của tổ chức tín dụng.

4. Đối với nguồn vốn liên doanh, liên kết được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết.

Điều 6. Nguồn tài chính của Trung tâm

1. Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp:

- a) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức;
- b) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ;
- d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- đ) Kinh phí quản lý, bảo vệ các khu đất sau khi thu hồi theo phương án và dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm

- a) Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

b) Các khoản thu từ quản lý khai thác, cho thuê quỹ đất đã thu hồi, nhận chuyển nhượng, tạo lập, phát triển trong thời gian chờ dự án, đấu giá, đấu thầu...;

c) Kinh phí quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

d) Kinh phí quản lý quỹ đất đã thu hồi, nhận chuyển nhượng, tạo lập, phát triển và quỹ đất đã xây dựng phục vụ tái định cư theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt;

đ) Phí đấu giá, tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất (kể cả đất có tài sản gắn liền với đất) theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Phí đấu thầu, tiền bán hồ sơ dự thầu đối với các dự án có sử dụng đất theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BKH ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

g) Lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết, lãi tiền gửi tổ chức tín dụng;

h) Nguồn trích từ đấu giá quyền sử dụng đất tỷ lệ 04% trên tổng số tiền nộp Ngân sách;

i) Nguồn thu từ thực hiện thẩm định các hồ sơ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án theo phân cấp thẩm định phương án bồi thường thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường;

k) Các khoản thu từ thực hiện hoạt động dịch vụ theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật;

l) Các khoản thu hoạt động sự nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn ứng:

a) Từ Ngân sách Trung ương để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất các dự án của Trung ương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Từ Ngân sách tỉnh ứng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất các dự án theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Từ Quỹ phát triển đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các

dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

Nhà nước ưu tiên ứng vốn từ nguồn quỹ phát triển đất tỉnh để Trung tâm thực hiện (điểm a, b, c khoản 3) điều này.

4. Nguồn khác:

a) Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng: Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác;

b) Nguồn vốn từ liên doanh, liên kết để thực hiện các chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này, gồm:

a) Các khoản chi thanh toán cho cá nhân, chi về hàng hóa, dịch vụ, chi hỗ trợ bổ sung, các khoản chi khác, chi mua sắm hàng hóa, vật tư...;

b) Chi phục vụ cho việc thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin, tư vấn, giới thiệu cho các nhà đầu tư;

c) Chi phục vụ cho công tác thẩm định hồ sơ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án;

d) Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản, chi trả vốn, trả lãi tiền vay);

đ) Chi phí quản lý các khu đất;

e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi không thường xuyên, gồm:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; chương trình mục tiêu quốc gia; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; tình giảm biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định khi thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các dự án từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài và các hoạt động liên doanh, liên kết theo quy định hiện hành;

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; quản lý quỹ đất đã thu hồi, đã nhận chuyển nhượng và tạo lập, phát triển; quản lý quỹ nhà, đất tái định cư; đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu dự án có sử dụng đất; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư xây dựng khu, điểm, nhà

tái định cư và các công trình hạ tầng khác theo chương trình, phương án, dự án, đề án, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Sử dụng kết quả hoạt động và báo cáo tài chính

1. Hàng quý và cuối năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định (nếu có). Chênh lệch thu lớn hơn chi được phân phối theo trình tự như sau:

a) Trích tối thiểu 25% để lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng;

d) Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

2. Trường hợp chênh lệch thu chi trong năm bằng hoặc nhỏ hơn 1 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm, Trung tâm phân phối như sau:

a) Ưu tiên trả thu nhập tăng thêm cho người lao động;

b) Trích lập Quỹ khen thưởng;

c) Trích lập Quỹ phúc lợi;

d) Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập;

đ) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

3. Việc sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Định mức chi: Trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính Trung tâm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động đặc thù theo nguyên tắc sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả.

5. Căn cứ chi tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập dự toán thu chi năm kế hoạch và trình Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt theo quy định.

6. Việc kiểm tra và quyết toán thu - chi tài chính của Trung tâm được thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán, thực hiện công tác hạch toán kế toán và báo cáo tài chính theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo các quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện quy chế này theo quy định.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thường xuyên theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy chế này của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phúc
Trần Minh Phúc